

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 18/2018/DS- ST
Ngày 18-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Bạc Thị Kiên
2. Ông: Lò Văn Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khá – Kiểm sát viên.

Ngày 18/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/TLST – DS ngày 11/10/2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST -DS ngày 03/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 23/4/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Minh T; SN: 1990; Địa chỉ: Đội B, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Mai Văn P; SN: 1993; Địa chỉ: Đội A, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không có lý do).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Thanh T - SN: 1987
Địa chỉ: Tổ 9, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên(vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là anh Bùi Minh T trình bày:

Ngày 29/01/2017, anh Bùi Minh T có cho anh Mai Văn P vay số tiền 67.500.000đ (có hợp đồng vay tiền kèm theo). Anh P hẹn trả cho Anh T số tiền trên thành nhiều lần (lần 1 trả 20.000.000đ; lần 2 trả: 20.000.000 đ; lần 3 trả nốt số tiền còn lại). Thời gian vay từ ngày 29/01/2017 đến ngày 29/4/2017. Nhưng Anh P đã không trả Anh T số tiền trên như thỏa thuận. Nay Anh T yêu cầu Tòa án buộc Anh P phải trả cho Anh T số tiền gốc đã vay là: 67.500.000đ và tiền lãi của số tiền 67.500.000đ từ ngày 30/4/2017 đến ngày Anh T làm đơn khởi kiện 11/10/2017 là 2.980.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi Anh T yêu cầu Anh P phải trả là: 70.480.000đ. Ngoài ra Anh T không có đề nghị gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, do Anh P hiện đang đi làm ăn không có địa chỉ cố định, Tòa án huyện Điện Biên đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập Anh P, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bố mẹ Anh P, thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng trên tại thôn đội và UBND xã nơi Anh P cư trú. Đến ngày 19/3/2018, Anh P mới có mặt tại TAND huyện Điện Biên.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2018 bị đơn là anh Mai Văn P trình bày:

Anh P thừa nhận ngày 29/01/2017, Anh P có vay của Anh T số tiền 67.500.000đ và hẹn đến ngày 29/4/2017 sẽ trả cho Anh T, nhưng do việc làm ăn không thuận lợi, Anh P không trả được số tiền trên cho Anh T theo như thỏa thuận. Nay Anh T yêu cầu Anh P phải trả cho Anh T số tiền 67.500.000đ và tiền lãi của số tiền 67.500.000đ từ ngày 30/4/2017 đến ngày 10/10/2017 là 2.980.000đ, tổng cộng là: 70.480.000đ. Anh P đồng ý trả cho Anh T số tiền trên nhưng do điều kiện Anh P đang khó khăn Anh P xin được trả dần hàng tháng cho Anh T mỗi tháng 300.000đ cho đến hết năm 2018, sang năm 2019 Anh P sẽ trả 900.000đ/tháng cho đến khi hết số tiền vay.

Tòa án đã 02 lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 25/01/2018 và 15/02/2018 nhưng cả hai lần Anh P đều vắng mặt không có lý do. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207/BLTTDS. Do các bên không thống nhất được việc giải quyết vụ án, ngày 23/4/2018, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên mở phiên tòa xét xử nhưng Anh P vắng mặt, phiên tòa được hoãn lại vào ngày 18/5/2018 nhưng Anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Anh P.

Tại phiên tòa Anh T không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và bổ sung yêu cầu khởi kiện là buộc Anh P phải thanh toán cho Anh T khoản tiền lãi từ ngày Anh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ 30/4/2017 đến ngày Tòa án xét xử số tiền lãi là: 7.082.876đ, ngoài ra Anh T không có đề nghị gì khác.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý cho đến trước khi HĐXX vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa của nguyên đơn anh Bùi Minh T; Căn cứ vào Điều 117; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Khoản 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc anh Mai Văn P phải trả cho anh Bùi Minh T số tiền gốc là: 67.500.000đ, số tiền lãi từ ngày 30/4/2017 đến ngày Tòa án xét xử 18/5/2018 là: 7.082.876đ. Tổng số tiền gốc và lãi là: 74.582.876đ. Anh P phải chịu án phí DSST có giá ngạch là: 3.729.143đ. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Anh T về việc yêu cầu Anh P trả cho Anh T số tiền gốc 67.500.000đ và số tiền lãi: 2.980.000đ tiền lãi. Tòa án xác định đây là vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn là anh Mai Văn P có địa chỉ ở: Đội 20A, xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015.

[3]. Về điều luật áp dụng: Hợp đồng vay tiền được Anh P và Anh T xác lập ngày 29/01/2017 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để xem xét giải quyết.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Bùi Minh T:

[4.1]. Đối với yêu cầu trả khoản tiền gốc 67.500.000đ: Ngày 29/01/2017, Anh T và Anh P đã xác lập hợp đồng vay tài sản. Anh P vay của Anh T số tiền 67.500.000đ, phương thức thanh toán làm 03 lần, lần cuối vào ngày 29/4/2017; các bên không thỏa thuận về lãi suất. Đến ngày 29/4/2017, Anh P không trả cho Anh T số tiền trên. Anh T đã cung cấp cho Tòa án bản gốc hợp đồng vay tiền nêu trên, có chữ ký của anh Mai Văn P và anh Bùi Minh T, người làm chứng là anh Nguyễn Thanh T. Tại bản tự khai ngày 19/3/2018 bị đơn là anh Mai Văn P cũng thừa nhận có vay của Anh T số tiền trên; tại bản tự khai ngày 16/3/2018, người làm chứng anh Nguyễn Thanh T cũng thừa nhận việc Anh T có cho Anh P vay số tiền 67.500.000đ, hai bên có ký hợp đồng vay tài sản ngày 29/01/2017. Giữa các bên không có tranh chấp gì về việc ký kết hợp đồng,

hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 92/BLTTDS; Điều 117; Điều 463/BLDS năm 2015 hợp đồng vay tài sản giữa Anh T và Anh P có hiệu lực kể từ ngày ký kết 29/01/2017. Do Anh P đã không thực hiện việc thanh toán số tiền vay theo thỏa thuận nay Anh T có đơn yêu cầu Tòa án buộc Anh P phải trả cho Anh T số tiền gốc 67.500.000đ là có cơ sở và được Tòa chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu trả lãi của số tiền gốc 67.500.000đ từ ngày 30/4/2017 đến ngày Tòa án xét xử:

Trong hợp đồng vay tài sản Anh T và Anh P không có thỏa thuận về việc trả lãi trong thời gian vay cũng như lãi trong thời gian chậm trả. Tuy nhiên Anh T có yêu cầu Anh P phải trả lãi của số tiền chậm trả từ ngày 30/4/2017 đến ngày Anh T làm đơn khởi kiện là 10/10/2017 với số tiền lãi là: 2.980.000đ và tại phiên tòa Anh T bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện buộc Anh P phải thanh toán cho Anh T khoản tiền lãi từ ngày 30/4/2017 đến ngày Tòa án xét xử 18/5/2018 là: 12 tháng 18 ngày việc bổ sung yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244/BLTTDS do vậy HĐXX chấp nhận. Mặc dù hợp đồng vay tiền ngày 29/01/2017 do Anh T và Anh P xác lập không có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng do Anh P không thực hiện đúng thỏa thuận về thời gian thanh toán số tiền 67.500.000đ, nên việc Anh T yêu cầu Anh P phải trả lãi của số tiền 67.500.000đ từ ngày Anh P vi phạm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày Tòa án xét xử là có căn cứ và để đảm bảo quyền lợi cho Anh T. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 466/BLDS năm 2015: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*".

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 468/BLDS năm 2015 thì lãi suất của khoản tiền lãi được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 là 20%/năm, cụ thể là 10%/năm. Ở đây khoản tiền lãi được tính từ ngày Anh P vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 30/4/2017 đến ngày Tòa án xét xử 18/5/2018 là: 01 năm 18 ngày. Số tiền lãi Anh P phải thanh toán cho Anh T trong thời hạn 01 năm là: 6.750.000đ ($67.500.000đ \times 10\%/năm = 6.750.000đ$); số tiền lãi của 18 ngày là: 332.876đ [$(6.750.000đ : 365 \text{ ngày}) \times 18 \text{ ngày} = 332.876đ$]. Số tiền lãi Anh P phải thanh toán cho Anh T đến ngày tòa xét xử là: 7.082.876đ ($6.750.000đ + 332.876đ = 7.082.876đ$)

[4.3]. Tổng số tiền gốc và tiền lãi Anh P phải trả cho Anh T đến ngày Tòa án xét xử là: 74.582.876đ ($67.500.000đ + 7.082.876đ = 74.582.876đ$)

[5]. Xét đề nghị của Anh P.

Anh P đồng ý trả cho Anh T số tiền gốc là: 67.500.000đ nhưng do điều kiện Anh P đang khó khăn Anh P xin được trả dần hàng tháng cho Anh T mỗi tháng 300.000đ cho đến hết năm 2018. Sang năm 2019 Anh P sẽ trả 900.000đ/tháng cho đến khi hết số

tiền vay. Do Anh T và Anh P không thỏa thuận được việc giải quyết số tiền đã vay nên ý kiến của Anh P đưa ra không có căn cứ để Tòa xem xét giải quyết. Việc các bên thanh toán khoản tiền vay và lãi như thế nào là do các bên tự thỏa thuận trong quá trình thi hành án.

[6]. Về án phí DSST

- Do yêu cầu khởi kiện của Anh T được chấp nhận toàn bộ. Căn cứ Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh P phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 3.729.143đ (74.582.876đ X 5% = 3.729.143đ)

- Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho Anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: 1.762.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 244/BLTTDS năm 2015.

Căn cứ vào Điều 117; Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Khoản 4 Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Minh T.

1. Buộc anh Mai Văn P phải trả cho anh Bùi Minh T các khoản tiền sau: Số tiền gốc là 67.500.000đ và số tiền lãi từ ngày 30/4/2017 đến ngày Tòa án xét xử 18/5/2018 là: 7.082.876đ. Tổng số tiền gốc và lãi Anh P phải trả cho Anh T là: 74.582.876đ (Bảy mươi bốn triệu năm trăm tám mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng)

Kể từ ngày Anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Anh P không tự nguyện thi hành đối với khoản phải trả cho Anh T thì Anh P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST.

2.1. Anh P phải chịu: 3.729.143đ (Ba triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn một trăm bốn mươi ba đồng). Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.2. Anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Anh T số tiền 1.762.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0002657, ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Điện Biên.

3. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/5/2018. Anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THSDS huyện Điện Biên;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Đỗ Thu Hương

